

Số: 14-01/BG/ĐH-26

BẢNG GIÁ NỐI CỐNG HDPE HAI VÁCH

Áp dụng từ **7 giờ 00 phút** ngày **05/05/2026** đến khi ban hành bảng giá mới

CÁCH 1 - DÙNG TẤM HÀN NHIỆT VÀ ĐAI INOX BÊN NGOÀI

I. HÀN NHIỆT CO (NHẬP TỪ HÀN QUỐC)					II. TẤM ĐAI INOX					Ghi chú
STT	Quy cách (mm)	Đơn vị tính	Giá trước thuế (đồng)	Giá sau thuế (đồng)	STT	Quy cách (mm)	Đơn vị tính	Giá trước thuế (đồng)	Giá sau thuế (đồng)	
01	150	Tấm	255,100	275,508	01	150	Tấm	211,700	232,870	Thuế 10%
02	200	Tấm	387,200	418,176	02	200	Tấm	250,600	275,660	
03	250	Tấm	457,700	494,316	03	250	Tấm	294,200	323,620	
04	300	Tấm	561,200	606,096	04	300	Tấm	355,700	391,270	
05	350	Tấm	820,800	886,464	05	350	Tấm	402,300	442,530	
06	400	Tấm	846,300	914,004	06	400	Tấm	445,700	490,270	
07	450	Tấm	870,300	939,924	07	450	Tấm	486,200	534,820	
08	500	Tấm	1,153,900	1,246,212	08	500	Tấm	706,800	777,480	
09	600	Tấm	1,517,000	1,638,360	09	600	Tấm	828,300	911,130	
10	700	Tấm	1,541,000	1,664,280	10	700	Tấm	1,416,500	1,558,150	
11	800	Tấm	2,034,700	2,197,476	11	800	Tấm	1,611,500	1,772,650	
12	900	Tấm	4,226,700	4,564,836	12	900	Tấm	1,785,500	1,964,050	
13	1000	Tấm	5,006,900	5,407,452	13	1000	Tấm	1,976,100	2,173,710	
14	1200	Tấm	7,335,600	7,922,448	14	1200	Tấm	2,328,700	2,561,570	

CÁCH 2 - DÙNG ĐAI NHỰA (TCXDVN 272:2002)

STT	Quy cách	Đơn vị tính	Giá trước thuế (đồng)	Giá sau thuế (đồng)	Ghi chú
01	Ø150	Bộ	442,700	486,970	Thuế 10%
02	Ø200	Bộ	543,200	597,520	
03	Ø250	Bộ	666,300	719,604	Thuế 8%
04	Ø300	Bộ	804,300	868,644	
05	Ø350	Bộ	858,300	926,964	
06	Ø400	Bộ	1,038,400	1,121,472	
07	Ø450	Bộ	1,141,900	1,233,252	
08	Ø500	Bộ	1,499,000	1,618,920	
09	Ø600	Bộ	1,829,100	1,975,428	

Lưu ý:

- Ø150 và Ø200 dùng đai inox
- Ø250 đến Ø600 dùng đai nhựa HDPE và tấm keo

Ngày 05 tháng 05 năm 2026
CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA



Nguyễn Thị Kim Hằng